BỘ DÂN TỘC VÀ TÔN GIÁO
VỤ TUYÊN TRUYỀN
CÔNG TÁC DÂN TỘC, TÔN GIÁO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 983/KH-TTCTDTTG

Hà Nội, ngày 05 tháng 11 năm 2026

KẾ HOẠCH
Truyền thông về hệ giá trị quốc gia, hệ giá trị văn hóa, hệ giá trị gia đình và Chuẩn mực con người Việt Nam năm 2026 và định hướng triển khai các năm tiếp theo

Thực hiện Quyết định số 813/QĐ-BDTTG ngày 24/9/2026 của Bộ trưởng Bộ Dân tộc và Tôn giáo ban hành Kế hoạch thực hiện Quyết định số 1189/QĐ-TTg ngày 02/7/2026 của Thủ tướng Chính phủ, Vụ Tuyên truyền công tác dân tộc, tôn giáo xây dựng Kế hoạch truyền thông như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Cụ thể hóa nhiệm vụ được giao tại khoản 2 Mục II, nội dung vùng đồng bào dân tộc thiểu số tại khoản 3 Mục II và khoản 2 Mục IV của Kế hoạch kèm Quyết định số 813/QĐ-BDTTG; đưa nội dung các hệ giá trị vào sản phẩm truyền thông, hoạt động tuyên truyền và thực hành tại cơ sở.

2. Nâng cao nhận thức, khuyến khích hành vi ứng xử văn hóa, trách nhiệm với gia đình và cộng đồng; phát huy bản sắc văn hóa các dân tộc thiểu số, giá trị văn hóa, đạo đức tốt đẹp của tôn giáo; bảo đảm nội dung dễ tiếp cận với nhóm yếu thế và địa bàn khó khăn.

3. Giao rõ đầu mối, sản phẩm, thời hạn, căn cứ nghiệm thu và minh chứng. Lồng ghép với nhiệm vụ đã được giao, tránh trùng lặp sản phẩm và kinh phí; không lấy số lượng tin bài hoặc lượt tiếp cận thay cho kết quả thay đổi nhận thức, hành vi.

4. Nội dung công bố phải được kiểm chứng, duyệt theo thẩm quyền; tôn trọng đặc điểm ngôn ngữ, văn hóa, tín ngưỡng, tôn giáo. Truyền thông song ngữ, tiếng dân tộc thiểu số phải được người am hiểu ngôn ngữ và văn hóa địa bàn rà soát trước khi sử dụng.

II. ĐỐI TƯỢNG, NỘI DUNG TRUYỀN THÔNG

1. Đối tượng: công chức, viên chức, người lao động; báo cáo viên, tuyên truyền viên; đồng bào dân tộc thiểu số, ưu tiên nhóm yếu thế ở vùng khó khăn, biên giới, hải đảo; người có uy tín, già làng, trưởng bản; chức sắc, chức việc, tín đồ tôn giáo; gia đình, thanh thiếu niên, học sinh, sinh viên và cộng đồng tiếp nhận thông tin về văn hóa Việt Nam.

2. Giới thiệu nội hàm, ý nghĩa và yêu cầu thực hành các hệ giá trị trên cơ sở tài liệu chính thức, được cấp có thẩm quyền hướng dẫn. Những giá trị được Quyết định số 813/QĐ-BDTTG nhấn mạnh gồm yêu nước, đoàn kết, nhân ái, nghĩa tình, trung thực, trách nhiệm, tự lực, tự cường, sáng tạo và khát vọng cống hiến. Không tự xây dựng danh mục để thay thế nội hàm chính thức của từng hệ giá trị.

3. Chuyển nội dung thành tình huống và việc làm cụ thể: ứng xử tôn trọng, chia sẻ trong gia đình; giữ gìn tiếng nói, chữ viết, di sản; thực hiện nếp sống văn minh; giúp đỡ người khó khăn; chấp hành pháp luật; sử dụng thông tin có trách nhiệm; làm giàu chính đáng; bảo tồn văn hóa gắn với sinh kế và du lịch cộng đồng.

4. Phát huy giá trị văn hóa, đạo đức tốt đẹp và nguồn lực của các tôn giáo thông qua hoạt động nhân ái, an sinh, bảo vệ môi trường, đoàn kết cộng đồng; phối hợp Ban Tôn giáo Chính phủ rà soát nội dung chuyên ngành. Không đồng nhất phong tục hay thực hành tôn giáo hợp pháp với hành vi cần phê phán.

5. Giới thiệu gương người thật, việc thật có xác nhận; làm rõ cách làm, kết quả và điều kiện áp dụng. Lồng ghép quảng bá hình ảnh con người, văn hóa các dân tộc thiểu số và giá trị văn hóa, đạo đức tốt đẹp của tôn giáo theo các kế hoạch có liên quan đã được phê duyệt.

III. PHƯƠNG THỨC VÀ SẢN PHẨM

Kết hợp tuyên truyền trực tiếp, sinh hoạt chuyên đề, truyền thông cơ sở với báo chí và nền tảng số. Sản phẩm ngắn, dễ hiểu, ưu tiên âm thanh, hình ảnh, phụ đề, tài liệu in khi địa bàn hạn chế kết nối; QR là phương tiện bổ trợ, không thay thế khả năng tiếp cận trực tiếp.

Bộ sản phẩm cốt lõi gồm tài liệu thông điệp và hỏi đáp; bài viết chuyên đề; thơ ca, nhạc họa nội dung trực quan hoặc âm thanh, video ngắn phù hợp nguồn lực; hồ sơ gương điển hình; danh mục sản phẩm và minh chứng số. Số lượng cụ thể thực hiện theo Phụ lục I, trong phạm vi nhiệm vụ và kinh phí được duyệt.

IV. NHIỆM VỤ VÀ TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN

1. Từ ngày ban hành đến ngày 10/11/2026: quán triệt nội dung Quyết định số 813/QĐ-BDTTG; xác lập đầu mối và danh mục nhiệm vụ; gửi đề nghị phối hợp đến các đơn vị liên quan theo thẩm quyền. Rà soát sản phẩm hiện có để chọn nội dung đủ điều kiện kế thừa, không ghi nhận hồi tố là sản phẩm đã thực hiện theo Quyết định số 813.

2. Trước ngày 12/11/2026: hoàn thành bộ thông điệp, hỏi đáp và kế hoạch biên tập; lập danh mục sản phẩm dự kiến phát hành, kênh sử dụng, đối tượng, người kiểm duyệt. Với nội dung liên ngành, lấy ý kiến đơn vị chuyên môn trước khi trình duyệt.

3. Trước ngày 15/11/2026: các đầu mối gửi kết quả, sản phẩm và minh chứng; tách rõ nhiệm vụ hoàn thành, đang thực hiện, chưa thực hiện. Trước ngày 17/11/2026: tổng hợp nội dung tháng 11 để gửi Vụ Chính sách trước ngày 18. Hoàn thiện báo cáo riêng năm 2026, trình ký và gửi trước ngày 20/11/2026; mốc nội bộ dự kiến hoàn thành ngày 18/11/2026.

4. Từ sau kỳ báo cáo đến hết tháng 12/2026: tiếp tục thực hiện sản phẩm đã được phê duyệt; cập nhật kết quả thực tế, không tính nhiệm vụ dự kiến vào số đã hoàn thành. Chủ động báo cáo bổ sung khi có kết quả mới hoặc theo yêu cầu của Vụ Chính sách.

5. Từ năm 2027: lồng ghép vào chương trình công tác hằng năm; xây dựng danh mục sản phẩm, dự toán và chỉ tiêu phù hợp nguồn lực. Gửi báo cáo tháng trước ngày 18; báo cáo năm riêng trước ngày 20/11. Cung cấp dữ liệu phục vụ sơ kết năm 2030 và tổng kết năm 2035 theo hướng dẫn của Bộ.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN VÀ KINH PHÍ

1. Vụ trưởng chỉ đạo chung, phê duyệt sản phẩm thuộc thẩm quyền. Các Phó Vụ trưởng chỉ đạo thực hiện theo lĩnh vực, địa bàn được phân công. Công chức được giao tổng hợp công tác Vụ chủ trì điều phối tiến độ, quản lý danh mục minh chứng và dự thảo báo cáo; công chức phụ trách nội dung, dữ liệu thực hiện nhiệm vụ theo phân công của lãnh đạo Vụ. Các bộ phận theo địa bàn lựa chọn đối tượng, phối hợp xác minh, tiếp nhận phản hồi và đề xuất nội dung phù hợp; Bộ phận Cần Thơ chú trọng địa bàn phía Nam, trong đó có đồng bào Khmer và cộng đồng tôn giáo.

2. Việc phối hợp Vụ Hợp tác quốc tế, Ban Tôn giáo Chính phủ, Trung tâm Chuyển đổi số, Báo VietNamNet, Tạp chí Nghiên cứu Dân tộc và Tôn giáo, Nhà xuất bản Tôn giáo và các cơ sở giáo dục thực hiện theo Quyết định số 813 và sự thống nhất giữa các đơn vị. Đối với nhiệm vụ cần chỉ đạo liên đơn vị, Vụ tổng hợp, trình lãnh đạo Bộ xem xét, quyết định.

3. Kinh phí từ dự toán được giao và nguồn hợp pháp theo quy định; ưu tiên lồng ghép. Đầu mối nhiệm vụ lập nhu cầu, phối hợp Vụ Kế hoạch - Tài chính theo thẩm quyền; chỉ tổ chức hoạt động phát sinh chi sau khi được phê duyệt.

Các bộ phận, công chức thuộc Vụ tổ chức thực hiện nhiệm vụ theo phân công; kịp thời báo cáo lãnh đạo Vụ khó khăn, vướng mắc và đề xuất giải pháp xử lý. Chi tiết nhiệm vụ, sản phẩm, tiến độ và quản lý minh chứng tại các phụ lục kèm theo./.

Nơi nhận:
- Lãnh đạo Bộ (để báo cáo);
- Thường trực Đảng ủy Bộ (để báo cáo);
- Vụ Chính sách;
- Các đơn vị phối hợp (để phối hợp);
- Lãnh đạo Vụ, các bộ phận (để thực hiện);
- Lưu: VT.

KT. VỤ TRƯỞNG
PHÓ VỤ TRƯỞNG



Nguyễn Hoàng Hành

Phụ lục I
PHÂN CÔNG NHIỆM VỤ VÀ SẢN PHẨM

(Kèm theo Kế hoạch số 983/KH-TTCTDTTG ngày 05 tháng 11 năm 2026 của Vụ Tuyên truyền công tác dân tộc, tôn giáo)

Mã và thời hạn	Nhiệm vụ và sản phẩm	Phụ trách và minh chứng
813-01 10/11/2026	Quán triệt; lập danh mục nhiệm vụ và đầu mối. Sản phẩm: 01 hồ sơ triển khai.	Đầu mối tổng hợp; các bộ phận. Minh chứng: kế hoạch ban hành, danh sách hoặc xác nhận tiếp nhận, bảng phân công.
813-02 12/11/2026	Biên soạn 01 bộ thông điệp và hỏi đáp, gắn giá trị với việc làm cụ thể.	Đầu mối nội dung; đề nghị Ban Tôn giáo Chính phủ và đơn vị liên quan góp ý. Minh chứng: bản duyệt, ý kiến chuyên môn, lịch sử sửa.
813-03 15/11/2026	Rà soát sản phẩm năm 2026; lập 01 danh mục đủ nguồn, thời điểm, quyền sử dụng và trạng thái.	Đầu mối dữ liệu; các bộ phận cung cấp. Minh chứng: tệp gốc, đường dẫn, xác nhận phát hành, biên bản rà soát.
813-04 Tháng 11–12/2026	Trong nguồn lực được duyệt, thực hiện tối thiểu 01 bài chuyên đề và 01 nội dung trực quan hoặc âm thanh, video ngắn.	Đầu mối nội dung; phối hợp cơ quan báo chí theo thống nhất. Minh chứng: bản duyệt, sản phẩm, ngày và kênh phát hành.

Tiêu chí nghiệm thu chung: nội dung đúng nguồn, đúng đối tượng, được duyệt; có sản phẩm sử dụng được và bằng chứng phát hành hoặc tổ chức thực tế. Dự thảo chỉ tính là sản phẩm tham mưu, chưa tính là sản phẩm truyền thông đã phát hành.

PHÂN CÔNG NHIỆM VỤ VÀ SẢN PHẨM (tiếp theo)

Mã và thời hạn	Nhiệm vụ và sản phẩm	Phụ trách và minh chứng
813-05 Tháng 11–12/2026	Lồng ghép tối thiểu 01 hoạt động tuyên truyền theo nhiệm vụ được duyệt; lựa chọn trường hợp điển hình vùng dân tộc thiểu số để giới thiệu nếu đủ căn cứ.	Bộ phận theo địa bàn; đề nghị địa phương, người có uy tín phối hợp. Minh chứng: chương trình, xác nhận thực hiện, sản phẩm, phản hồi.
813-06 Thiết lập trước 12/11; cập nhật khi có phát sinh	Lập 01 sổ theo dõi nhóm nhiệm vụ 813 trên Data Hub EIRS 3.0+, liên kết nhiệm vụ với sản phẩm và minh chứng.	Đầu mối dữ liệu; đề nghị Trung tâm Chuyển đổi số hỗ trợ kỹ thuật. Minh chứng: bản xuất danh mục, lịch sử cập nhật, liên kết kiểm tra được.
813-07 17/11 và 18/11/2026	Hoàn thiện báo cáo tháng để gửi trước ngày 18; báo cáo năm riêng để gửi trước ngày 20/11, kèm minh chứng.	Đầu mối tổng hợp; lãnh đạo Vụ duyệt. Minh chứng: bản ký, phụ lục, xác nhận gửi và tiếp nhận.
813-08 Trước 25/12/2026; hằng năm	Rà soát kết quả cuối năm; đề xuất nhiệm vụ năm sau, mô hình và nhu cầu kinh phí.	Đầu mối tổng hợp; các bộ phận. Minh chứng: báo cáo cập nhật, danh mục nhiệm vụ, đề xuất có căn cứ.

Theo dõi chỉ tiêu

Bảo đảm 100% nhiệm vụ được giao được theo dõi; 100% sản phẩm công bố có bản duyệt và minh chứng; báo cáo được gửi đầy đủ, đúng hạn.

Đánh giá thêm mức phù hợp ngôn ngữ, khả năng tiếp cận, phản hồi sử dụng và ví dụ thực hành được xác nhận. Trường hợp đo nhận thức, ghi rõ cách chọn mẫu và thời điểm; không suy rộng kết quả khảo sát nhỏ cho toàn vùng.

Phụ lục II

QUẢN LÝ MINH CHỨNG TRÊN DATA HUB EIRS 3.0+

(Kèm theo Kế hoạch số: 983/KH-TTCTDTTG ngày 05 tháng 11 năm 2026 của Vụ Tuyên truyền công tác dân tộc, tôn giáo)

1. Trường dữ liệu tối thiểu

Mỗi nhiệm vụ có mã duy nhất 813-2026-XX; ghi căn cứ giao việc, đối tượng, địa bàn, nội dung, đầu mối, đơn vị phối hợp, hạn hoàn thành, sản phẩm, trạng thái, ngày cập nhật và người duyệt. Mỗi sản phẩm có mã riêng, liên kết với nhiệm vụ và có nguồn gốc, ngày tạo, ngày duyệt, ngày phát hành, kênh sử dụng, liên kết tệp gốc, minh chứng, phản hồi và quyền truy cập.

Thống nhất sử dụng mã và các trường thông tin nêu trên để quản lý nhiệm vụ thuộc Kế hoạch. Công chức phụ trách dữ liệu đối chiếu với cấu trúc hệ thống hiện có trước khi nhập, bảo đảm thống nhất danh mục và thuận tiện tổng hợp.

2. Quy trình theo chuỗi nghiệp vụ EIRS

Bước	**Thực hiện và kết quả ghi nhận**
Phát hiện	Tiếp nhận yêu cầu, nhu cầu thông tin và phản hồi; ghi nguồn, thời gian, đối tượng.
Kiểm chứng	Đối chiếu tệp gốc, bản ký, đường dẫn và xác nhận; gắn trạng thái đã kiểm chứng hoặc cần xác minh.
Đánh giá tác động	Xác định nhóm tiếp nhận, mức phù hợp, khả năng tiếp cận và vấn đề cần giải thích; nêu rõ giới hạn dữ liệu.
Phản ứng tham mưu	Đề xuất thông điệp, hình thức, người xử lý, thời hạn; lưu ý kiến duyệt và sản phẩm được thông qua.
Theo dõi đến cùng	Xác nhận thực hiện, thu phản hồi, sửa nội dung khi cần; chỉ đóng nhiệm vụ khi có sản phẩm và minh chứng được duyệt.

3. Quy tắc tổng hợp và quản lý

Trạng thái nhiệm vụ: chưa thực hiện; đang thực hiện; hoàn thành chờ xác nhận; hoàn thành đã xác nhận; điều chỉnh hoặc dừng có quyết định. Một sản phẩm dùng ở nhiều kênh được tính một sản phẩm gốc; thống kê lượt sử dụng riêng. Chỉ ghi 0 khi đã kiểm tra và xác nhận không phát sinh; dữ liệu thiếu ghi "Chưa xác định, đang rà soát".

Lưu riêng số thực hiện đến ngày chốt và số dự kiến đến 31/12; báo cáo có ngày chốt, nguồn và người xác nhận. QR chỉ trỏ đến tài liệu được phép truy cập, không tự mở rộng quyền. Tài liệu nội bộ và dữ liệu cá nhân được phân quyền; không đưa tài liệu thuộc phạm vi bí mật nhà nước lên hệ thống khi chưa đáp ứng điều kiện theo quy định.